

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Đức Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Thu Nga

Ông Đinh Tiến Khâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Bá Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị X, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn E, xã B (xã Đ cũ), huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Tiến T, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Tiến T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian thì đến năm 2013, anh T đi về quê nhà ở Quảng Bình sinh sống cùng cha mẹ. Chị X đã gọi điện kêu anh T quay trở về chung sống cùng vợ con nhưng anh T nhất quyết không về và thời gian trôi qua nhiều năm, anh T không quan tâm đến vợ

con, không liên lạc gì với vợ con. Bản thân chị X cảm thấy tình cảm không còn, không hàn gắn được mối quan hệ giữa vợ chồng, càng chung sống càng làm tổn thương nhau, vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về quan hệ con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Yến N, sinh ngày 23/01/2005 và Đinh Như T1, sinh ngày 09/9/2009. Hiện tại các con chung đang sống với chị X. Khi ly hôn, chị X có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đinh Tiến T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: anh và chị X là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị X yêu cầu ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Đinh Thị Yến N, sinh năm 2009 và Đinh Như T1, sinh năm 2009, hiện các con chung đang sống với chị X. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao các con chung cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Đinh Thị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn và con chung.

- Bị đơn anh Đinh Tiến T trình bày: Anh xin giữ nguyên lời khai như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 217, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị X. Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị X được ly hôn với anh Đinh Tiến T; về con chung: chị X được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đinh Như T1, sinh năm 2009, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: không có nên không xem xét giải quyết; về án phí: chị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Đinh Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với anh Đinh Tiến T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Đinh Tiến T có nơi cư trú tại thôn C, xã X, huyện M, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa thụ lý giải quyết là đúng theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, chị Đinh Thị X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đinh Thị X.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị X và anh Đinh Tiến T tự nguyện kết hôn vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyền số 01/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đ có ghi họ và tên vợ “Đinh Thị Thanh X”, tuy nhiên Căn cước công dân mà chị X cùng cấp lại ghi tên “Đinh Thị X”. Chị X đã nêu rõ lý do của việc sai sót tên và xác thực bản thân chị có tên đầy đủ là Đinh Thị X và được Ủy ban nhân dân xã B xác nhận. Do đó, hoàn toàn có căn cứ để xác định người có tên “Đinh Thị Thanh X” trong Giấy chứng nhận kết hôn và người có tên “Đinh Thị X” trong căn cước công dân là một người.

Chị X cho rằng, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, trong thời gian sống ly thân, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm để anh T quay trở về chung sống với chị tuy nhiên không thành. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn. Anh T xác nhận vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2013 đến nay, tình cảm vợ chồng đã hết, bản thân anh không còn mong muốn níu kéo tình cảm, quay về chung sống với chị X. Anh đồng ý ly hôn với yêu cầu của chị X.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, có đủ cơ sở xác định, giữa chị X và anh T là vợ chồng hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hai vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ năm 2013 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm, liên lạc gì với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị X là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị X và anh T có 02 con chung tên Đinh Thị Yến N, sinh ngày 23/01/2005 và Đinh Như T1, sinh ngày 09/9/2009. Hiện các con chung đang sống với chị X. Chị X yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đinh Như T1, đối với cháu Yến N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết, chị X không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T đồng ý cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu Đinh Thị Yến N đã thành niên nên không đề cập giải quyết. Đối với cháu Như T1, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu và thể hiện cháu có nguyện vọng sống chung mẹ. Bản thân anh T cũng đồng ý giao cháu Như T1 cho chị X nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt nhất về thể chất, tinh thần, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các con, xét nguyện vọng của các con được ở cùng với mẹ nhằm để ổn định tâm lý, tình cảm

của con, Hội đồng xét xử giao cháu Như T1 cho chị X tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị X là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét là phù hợp với Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị X:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị X và anh Đinh Tiến T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, quyển số 01/2004 ngày 02/4/2004 do Ủy ban nhân dân xã Đ (nay là xã B), huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Đinh Như T1, sinh ngày 09/9/2009 cho chị Đinh Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Đinh Thị X không yêu cầu anh Đinh Tiến T cấp dưỡng nuôi con chung nên ghi nhận sự tự nguyện của đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con thì cha, mẹ trực tiếp nuôi con, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đinh Thị X phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0000657 ngày 06/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- UBND xã Bà Gia;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Đức Cảnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Minh Hóa;
- Đương sự;
- Văn phòng;
- UBND xã Trọng Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đinh Đức Cảnh**